

CV. TIỀN TỆ, NGÂN HÀNG VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

- I. Tiền tệ và hoạt động của ngân hàng
- II. Thị trường tiền tệ
- III. Chính sách tiền tệ

11/15/2011

Tran Bich Dung

1

I. Tiền tệ và hoạt động của ngân hàng

- 1. Tiền tệ:
 - Tài sản gồm nhiều loại:
 - Tiền
 - Tiền gửi không kỳ hạn viết Cheque
 - Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn và không kỳ hạn
 - Ngoại tệ
 - Đất đai, nhà cửa
 - Cổ phiếu.....

11/15/2011

Tran Bich Dung

2

I. Tiền tệ và hoạt động của ngân hàng

- a. Khái niệm:
 - Tiền là bất kỳ phương tiện nào được thừa nhận chung để thanh toán cho việc mua hàng hay để thanh toán nợ nần.
 - Nói cách khác, tiền là một lượng tài sản được sử dụng ngay để tiến hành giao dịch

11/15/2011

Tran Bich Dung

3

I. Tiền tệ và hoạt động của ngân hàng

- b. Các hình thái của tiền:
 - Tiền bằng hàng hoá
 - Tiền quy ước
 - Tiền qua ngân hàng

11/15/2011

Tran Bich Dung

4

I. Tiền tệ và hoạt động của ngân hàng

- c. Chức năng:
 - Phương tiện thanh toán, trao đổi
 - Đơn vị hạch toán
 - Dự trữ giá trị

11/15/2011

Tran Bich Dung

5

I. Tiền tệ và hoạt động của ngân hàng

- d. Khối tiền tệ:
 - Căn cứ vào khả năng chuyển đổi của một tài sản thành tiền để sẵn sàng giao dịch, người ta chia khối tiền tệ ra nhiều loại:

11/15/2011

Tran Bich Dung

6

I. Tiền tệ và hoạt động của ngân hàng

- Tiền giao dịch(M1): là lượng tiền dùng cho giao dịch gồm:
 - Tiền mặt ngoài ngân hàng (C^M)
 - Tiền gửi không kỳ hạn viết cheque(D^M)
- Tiền rộng(M2) = M1 + Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn và không kỳ hạn

11/15/2011

Tran Bích Dung

7

I. Tiền tệ và hoạt động của ngân hàng

- Tiền rộng $M3 = M2 +$ trái phiếu, cổ phiếu...
- Trong KT vĩ mô cơ bản, chúng ta giới hạn lượng cung tiền là M1

11/15/2011

Tran Bích Dung

8

2. Hoạt động của ngân hàng

- Hệ thống ngân hàng hiện đại gồm:
 - Ngân hàng trung ương
 - Các ngân hàng trung gian: ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư, các tổ chức tín dụng...

11/15/2011

Tran Bích Dung

9

2. Hoạt động của ngân hàng

- **Ngân hàng trung ương:**
 - Cung ứng tiền, kiểm soát lượng cung tiền và lãi suất nhằm ổn định giá trị tiền tệ, ổn định và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

11/15/2011

Tran Bích Dung

10

2. Hoạt động của ngân hàng

- NHTW có các chức năng cơ bản sau:
 - Quản lý các NHTM:
 - Cấp giấy phép hoạt động cho các NHTM
 - Thường xuyên kiểm tra hoạt động của NHTM

11/15/2011

Tran Bích Dung

11

2. Hoạt động của ngân hàng

- Ngân hàng của các NHTM:
 - cho các NHTM vay khi cần thiết
 - nhằm tránh sự sụp đổ không đáng có trong hệ thống ngân hàng
- Là cơ quan độc quyền in và phát hành tiền trong nền kinh tế

11/15/2011

Tran Bích Dung

12

2. Hoạt động của ngân hàng

- Là ngân hàng của chính phủ:
 - Mở tài khoản, nhận tiền gửi & tổ chức thanh toán cho kho bạc nhà nước.
 - Làm đại lý phát hành trái phiếu kho bạc nhà nước.
 - Quản lý thị trường ngoại hối, bảo quản dự trữ ngoại tệ của quốc gia...

11/15/2011

Tran Bích Dung

13

2. Hoạt động của ngân hàng

- **Ngân hàng trung gian:**
 - Là một tổ chức trung gian tài chính
 - có chức năng kinh doanh tiền tệ
 - và đầu tư.
 - Trong quá trình hoạt động, các ngân hàng đã “tạo tiền qua ngân hàng”

11/15/2011

Tran Bích Dung

14

Cách tạo tiền qua ngân hàng:

- Giả định:
 - Mọi giao dịch đều qua ngân hàng
 - Tỷ lệ dự trữ chung $d = 10\%$
 - Các ngân hàng đều cho vay hết lượng tiền còn lại $= (1 - d)$
 - Tiền dự trữ là tiền gửi mà NH nhận được, nhưng không cho vay.

11/15/2011

Tran Bích Dung

15

Cách tạo tiền qua ngân hàng

- VD: Cá nhân A gửi vào NH I 1000\$.
- Nếu NH dự trữ 100%
 - nghĩa là NH chỉ nhận tiền gửi mà không cho vay
 - thì NH không tạo tiền
 - Trong bản tổng kết tài sản của NH I:

11/15/2011

Tran Bích Dung

16

Cách tạo tiền qua ngân hàng

NHI	
CÓ	NỢ
Tiền gửi: 1000\$	Tiền gửi: 1000\$
Dự trữ: 1000\$	

11/15/2011

Tran Bích Dung

17

Cách tạo tiền qua ngân hàng

- → Lượng cung tiền không đổi: 1000\$ tiền gửi vào NH làm:
 - tiền mặt giảm 1000\$
 - tiền dự trữ NH tăng 1000\$
- → hệ thống NH dự trữ 100%:
 - không tạo tiền
 - không tác động đến lượng cung tiền

11/15/2011

Tran Bích Dung

18

Cách tạo tiền qua ngân hàng

- Nếu NH dự trữ 10%:
- B1: Khi A gửi vào NH I 1000\$:
 - NH I sẽ cho vay 900\$, dự trữ 100\$

<u>CÓ</u>	<u>NỢ</u>
Cho vay: 900\$	Tiền gửi: 1000\$
Dự trữ: 100\$	

11/15/2011

Tran Binh Dung

19

Cách tạo tiền qua ngân hàng

- B2: NH I cho khách hàng B vay 900\$ để trả cho C. C lại gửi 900\$ vào NH II. NH II dự trữ 90\$ cho D vay 810\$:

NH II	
<u>CÓ</u>	<u>NỢ</u>
Cho vay: 810\$	Tiền gửi: 900\$
Dự trữ: 90\$	

11/15/2011

Tran Binh Dung

20

Cách tạo tiền qua ngân hàng

- B3: D lại trả cho E 810\$ và E lại gửi vào NH III 810\$, NH III lại cho vay thêm 729\$, dự trữ thêm 81\$

NH III	
<u>CÓ</u>	<u>NỢ</u>
Cho vay: 729\$	Tiền gửi: 810\$
Dự trữ: 81\$	

11/15/2011

Tran Binh Dung

21

Cách tạo tiền qua ngân hàng

- Quá trình cứ tiếp diễn:
 - tiền cho vay của NH này
 - trở thành tiền gửi tăng thêm của NH kế tiếp

11/15/2011

Tran Binh Dung

22

Cách tạo tiền qua ngân hàng

Các NH	Tiền gửi tăng thêm	Cho vay tăng thêm	Dự trữ tăng thêm
NH I	1000	900	100
NH II	900	810	90
NH III	810	729	81
...	...	...	...
Hệ thống NH	10000	9000	1000

11/15/2011

Tran Binh Dung

23

Cách tạo tiền qua ngân hàng

- $\Delta M = 1000 + 900 + 810 + \dots$
- $= \Delta H + (1 - d) \Delta H + (1 - d)^2 \Delta H + \dots$
- $$\Delta \bar{M} = \frac{1}{1 - (1 - d)} * \Delta H$$
- $$\Delta \bar{M} = \frac{1}{d} * \Delta H$$

11/15/2011

Tran Binh Dung

24

3. Số nhân tiền tệ

- Là hệ số phản ánh sự thay đổi trong lượng cung tiền
- khi lượng tiền mạnh thay đổi 1 đơn vị:

$$\begin{aligned}\bar{M} &= k^m * H \\ \Delta \bar{M} &= k^m * \Delta H \\ \Rightarrow k^m &= \frac{\bar{M}}{H}\end{aligned}$$

11/15/2011

Tran Bich Dung

25

3. Số nhân tiền tệ

- H: lượng tiền mạnh(tiền cơ sở): Là lượng tiền mà NHTW đã phát hành, gồm :
 - Lượng tiền mặt ngoài ngân hàng C^M
 - Lượng tiền dự trữ trong hệ thống ngân hàng R^M
- $H = C^M + R^M$

11/15/2011

Tran Bich Dung

26

3. Số nhân tiền tệ

- $M = M1$: Cung tiền tệ: là tổng lượng tiền hiện có trong nền kinh tế
- $M = C^M + D^M$
- Tỷ lệ tiền mặt/ tiền gửi $c = C^M / D^M$
- $\rightarrow C^M = c * D^M$

11/15/2011

Tran Bich Dung

27

3. Số nhân tiền tệ

- Tỷ lệ dự trữ chung/ tiền gửi:
 - $d = R^M / D^M$
- $\rightarrow R^M = d * D^M$

11/15/2011

Tran Bich Dung

28

3. Số nhân tiền tệ

- Trong đó $d = d_{bb} + d_{ty}$
- d_{bb} : tỷ lệ dự trữ bắt buộc:
 - là tỷ lệ dự trữ
 - mà NHTW quy định cho từng loại tiền gửi đối với NHTM
 - và nộp vào tài khoản của NHTM ở NHTW
- d_{ty} : Tỷ lệ dự trữ tùy ý của mỗi NHTM
 - để chi trả cho khách hàng rút tiền khi có yêu cầu

11/15/2011

Tran Bich Dung

29

3. Số nhân tiền tệ

- $\rightarrow H = C^M + R^M = (c + d) D^M$
- $M = C^M + D^M = (c + 1) D^M$
- $\Rightarrow k^M = \frac{\bar{M}}{H} = \frac{(c+1) * D^M}{(c+d) * D^M}$
- $k^M = \frac{c+1}{c+d}$

11/15/2011

Tran Bich Dung

30

II. Thị trường tiền tệ

- 1. Cung tiền tệ:
- Cần phân biệt 2 chỉ tiêu:
 - Cung tiền danh nghĩa ($\bar{M}$)
 - Cung tiền thực (S^M)

11/15/2011

Tran Bich Dung

31

1. Cung tiền tệ:

- Cung tiền danh nghĩa ($\bar{M}$):
 - là tổng lượng tiền hiện có trong nền kinh tế.
 - Khi NHTW kiểm soát được lượng cung tiền
 - → lượng cung tiền coi như không đổi

11/15/2011

Tran Bich Dung

32

1. Cung tiền tệ:

- Cung tiền thực (S^M):
 - Là khối lượng hàng hoá và dịch vụ
 - tương ứng với lượng cung tiền danh nghĩa
 - (S^M) được xác định bằng cách:
 - lấy cung tiền danh nghĩa
 - chia cho mức giá chung

$$S^M = \frac{\bar{M}}{P}$$

11/15/2011

Tran Bich Dung

33

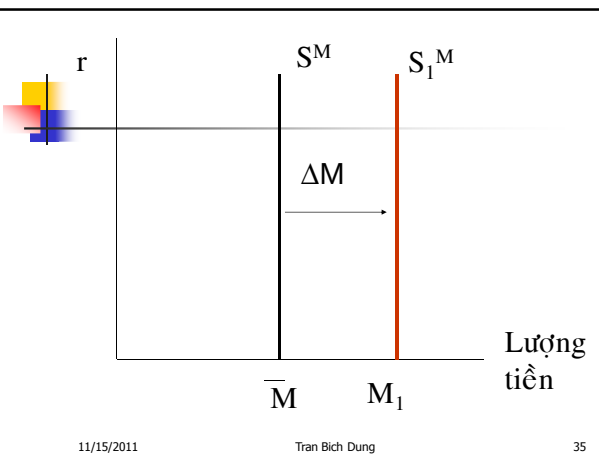
1. Cung tiền tệ:

- Trong ngắn hạn:
 - P không đổi
 - để đơn giản ta cho $P=1$
 - → $S^M = \bar{M}$
 - $\bar{M}$ không đổi
 - → S^M cũng không đổi

11/15/2011

Tran Bich Dung

34



11/15/2011

Tran Bich Dung

35

2. Cầu tiền tệ

- Cầu tiền danh nghĩa:
 - là lượng tiền mà mọi người cần có
- Cầu tiền thực (L^M):
 - là lượng hàng hoá và dịch vụ
 - tương ứng với cầu tiền danh nghĩa

11/15/2011

Tran Bich Dung

36

2. Cầu tiền tệ

- Tại sao người ta cần giữ tiền?
- Có 3 nguyên nhân :
 - Do cần giao dịch (L1)
 - Do cần dự phòng (L1)
 - Do cần đầu cơ (L2)

11/15/2011

Tran Bich Dung

37

2. Cầu tiền tệ

- Các nhân tố ảnh hưởng đến cầu tiền:
 - $Y \uparrow \rightarrow L1 \uparrow$
 - r

11/15/2011

Tran Bich Dung

38

2. Cầu tiền tệ

Khi giữ tiền, ta phải chịu chi phí cơ hội - chính là tiền lãi bị mất đi khi giữ tài sản ở dạng tiền mà không phải tài sản sinh lợi khác

11/15/2011

Tran Bich Dung

39

2. Cầu tiền tệ

- Đối với L1:
 - r tăng nhẹ, hầu như không ảnh hưởng đến L1.
 - Khi r tăng mạnh, người ta muốn giữ nhiều tài sản sinh lợi, giữ ít tài sản dưới dạng tiền hơn
 - $r \uparrow \rightarrow L1 \downarrow$

11/15/2011

Tran Bich Dung

40

2. Cầu tiền tệ

- Đối với L2:
- Thị trường cổ phiếu
 - Mệnh giá cổ phiếu $P=100.000\$$
 - Cổ tức cố định = 10.000\$
 - Lãi suất $r_B=10\%$
- Thị trường tiền tệ
 - Lãi suất $r = 10\%$
 - Khi r trên cả 2 thị trường bằng nhau, cả 2 đều cân bằng

11/15/2011

Tran Bich Dung

41

2. Cầu tiền tệ

- Thị trường tiền tệ
 - Nếu $r \uparrow = 20\%$
 - Nếu $r \downarrow = 5\%$
- Thị trường cổ phiếu
 - $\rightarrow P_{cp} \downarrow = 50.000\$$
 - $\rightarrow$ nhà đầu cơ sẽ mua cổ phiếu
 - $\rightarrow L2 \downarrow$
 - $\rightarrow P_{cp} \uparrow = 200.000\$$
 - $\rightarrow$ nhà đầu cơ sẽ bán cổ phiếu
 - $\rightarrow L2 \uparrow$

11/15/2011

Tran Bich Dung

42

2. Cầu tiền tệ

- $\Rightarrow$ khi $r \uparrow \rightarrow P_{cp} \downarrow \rightarrow L_2 \downarrow$ và ngược lại
- $\Rightarrow$ Cầu tiền đồng biến với Y , nghịch biến với r :
- $L^M = L_0 + L_m.Y + L_m^r.r$

11/15/2011

Tran Bach Dung

43

2. Cầu tiền tệ

- $L^M = L_0 + L_m.Y + L_m^r.r$
 - Với: L_0 : Cầu tiền tự định
 - $L_m = \Delta L^M / \Delta Y$: Hệ số nhạy cảm của cầu tiền theo Y ($L_m > 0$)
 - $L_m^r = \Delta L^M / \Delta r$: Hệ số nhạy cảm của cầu tiền theo r ($L_m^r < 0, r: \%$)

11/15/2011

Tran Bach Dung

44

2. Cầu tiền tệ

- $L^M = L_0 + L_m.Y + L_m^r.r$
 - Khi Y đã cho
 - $\rightarrow$ cầu tiền chỉ còn phụ thuộc vào lãi suất:
 - $L^M = L_0 + L_m^r.r$

11/15/2011

Tran Bach Dung

45

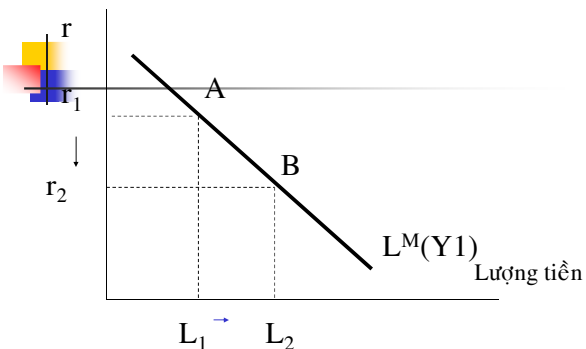
2. Cầu tiền tệ

- VD: $L^M = 1000 + 0,5Y - 60r$
 - Nếu $Y_1 = 4000$:
 - $\rightarrow L^M_1 = 3000 - 60r$
 - Nếu $Y_2 = 5000$:
 - $\rightarrow L^M_2 = 3500 - 60r$

11/15/2011

Tran Bach Dung

46



11/15/2011

Tran Bach Dung

47

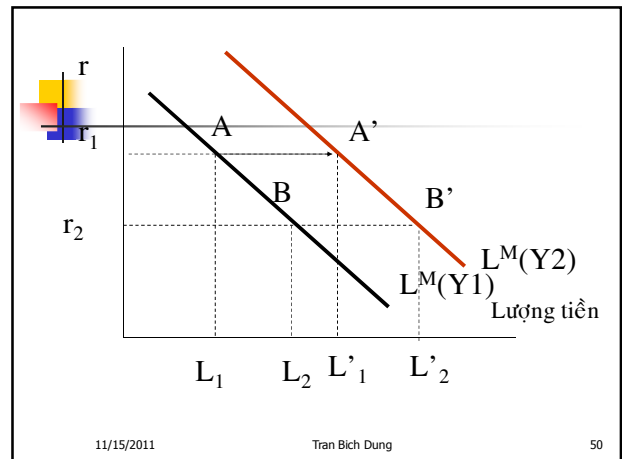
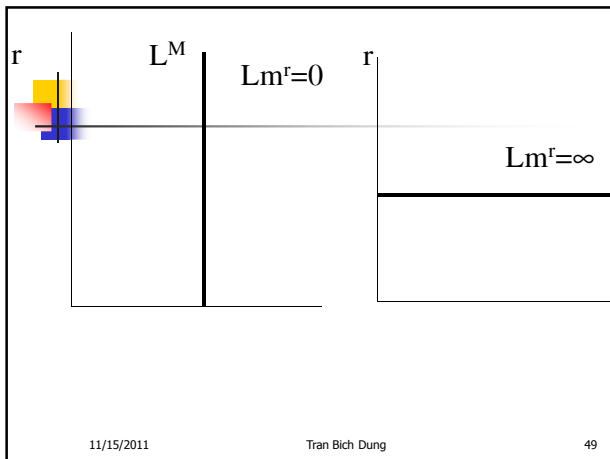
2. Cầu tiền tệ

- Nếu cầu tiền không phụ thuộc vào lãi suất: $L_m^r = 0$
- $L_m^r = 0 \rightarrow$ đường L^M thẳng đứng
- $L_m^r = \infty \rightarrow$ đường L^M nằm ngang
- L_m^r nhỏ $\rightarrow$ đường L^M rất dốc
- L_m^r lớn $\rightarrow$ đường L^M lồi

11/15/2011

Tran Bach Dung

48



3. Cân bằng thị trường tiền tệ

- Để hiểu rõ sự cân bằng thị trường tiền tệ
- ta phải tìm hiểu thị trường có liên quan là thị trường trái phiếu

11/15/2011

Tran Bich Dung

51

- Tổng của cải thực hiện có của nền kinh tế (Real Wealth-W) gồm 2 loại:
 - Cung tiền thực (S^M)
 - Cung trái phiếu thực (S^B)
- $W^S = S^M + S^B$

11/15/2011

Tran Bich Dung

52

3. Cân bằng thị trường tiền tệ

- Cầu tài sản (W^D):
- Người ta sẽ quyết định phân chia tài sản (W) thành:
 - lượng trái phiếu muốn giữ (L^B)
 - và lượng tiền thực muốn giữ (L^M)
- $W^D = L^M + L^B$

11/15/2011

Tran Bich Dung

53

3. Cân bằng thị trường tiền tệ

- Bất luận ta muốn phân chia tài sản như thế nào thì
- **cầu tài sản phải luôn bằng cung tài sản:**
 - $W^S = W^D$
 - $S^M + S^B = L^M + L^B$
 - $\rightarrow S^M - L^M = L^B - S^B \quad (1)$

11/15/2011

Tran Bich Dung

54

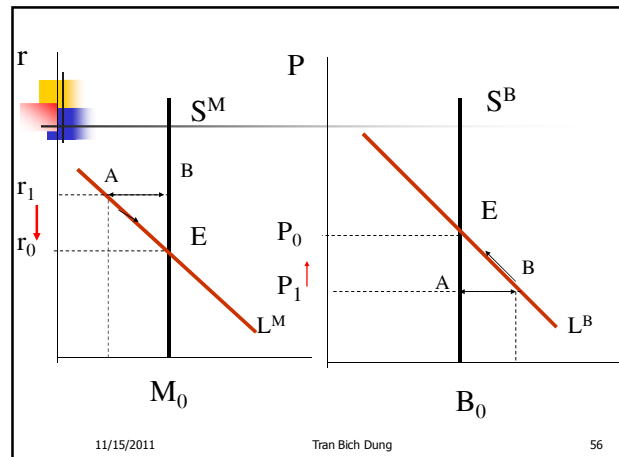
3. Cân bằng thị trường tiền tệ

- $S^M - L^M = L^B - S^B$ (1)
- (1) thể hiện thị trường tiền tệ và thị trường trái phiếu có quan hệ mật thiết:
 - Nếu thị trường này cân bằng
 - thì thị trường kia cũng cân bằng
 - gọi chung là thị trường tài chính cân bằng

11/15/2011

Tran Bich Dung

55



11/15/2011

Tran Bich Dung

56

3. Cân bằng thị trường tiền tệ

- Thị trường tiền tệ cân bằng khi:
 - lãi suất được duy trì ở mức mà tại đó
 - lượng cung tiền bằng lượng cầu tiền
- $S^M = L^M$
- $M = L_0 + L_m^r \cdot r$
- $$r = \frac{1}{L_m^r} (\bar{M} - L_0)$$

11/15/2011

Tran Bich Dung

57

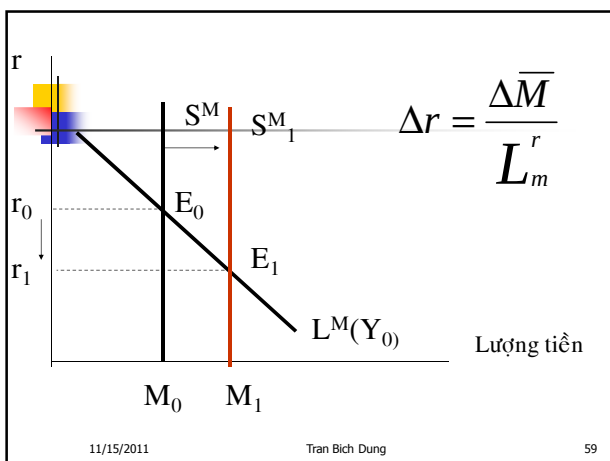
3. Cân bằng thị trường tiền tệ

- VD: $S^M = 1000$
- $L^M = 1500 - 100r$
- Lãi suất cân bằng:
 - $S^M = L^M$
 - $1000 = 1500 - 100r$
 - $r = 5\%$

11/15/2011

Tran Bich Dung

58



11/15/2011

Tran Bich Dung

59

3. Cân bằng thị trường tiền tệ

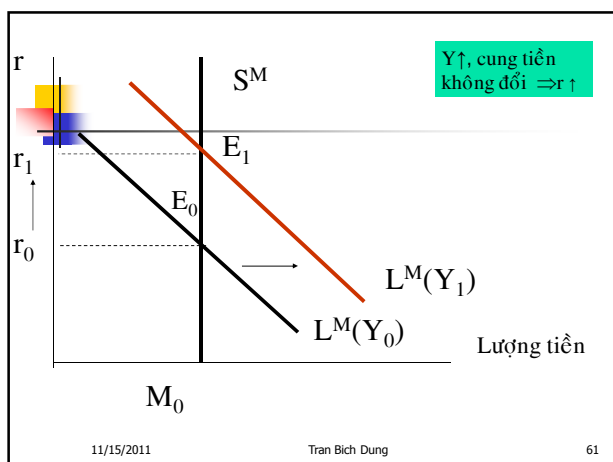
- Khi cung tiền thay đổi ΔM
- lãi suất thị trường sẽ thay đổi Δr :

$$\Delta r = \frac{\Delta \bar{M}}{L_m^r}$$

11/15/2011

Tran Bich Dung

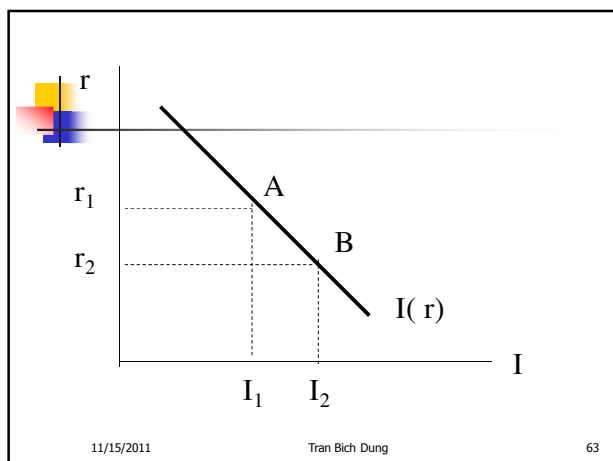
60



4. Hàm đầu tư theo lãi suất

- Đầu tư là hàm nghịch biến với lãi suất:
- $I = I_0 + I_m^r \cdot r$
 - I_0 : Đầu tư tự định
 - $I_m^r = \Delta I / \Delta r$: đầu tư biên theo lãi suất, hay hệ số nhạy cảm của đầu tư theo r

11/15/2011 Tran Bích Dung 62



4. Hàm đầu tư theo lãi suất

- $I_m^r = 0 \Rightarrow I(r)$ thẳng đứng
- I_m^r nhỏ $\Rightarrow I(r)$ dốc
- I_m^r lớn $\Rightarrow I(r)$ lồi
- $I_m^r = \infty \Rightarrow I(r)$ nằm ngang

11/15/2011 Tran Bích Dung 64

III. Chính sách tiền tệ

- 1. Mục tiêu:
 - Ổn định giá trị tiền tệ
 - Ổn định nền kinh tế
- 2. Các công cụ:
 - Mua bán chứng khoán của chính phủ
 - Thay đổi tỷ lệ dự trữ bắt buộc
 - Thay đổi lãi suất chiết khấu

11/15/2011 Tran Bích Dung 65

2. Các công cụ của chính sách tiền tệ:

- a. Mua bán chứng khoán(hoạt động trên thị trường mở)
 - Khi NHTW mua CK vào
 - $\Rightarrow H \uparrow \rightarrow M \uparrow \rightarrow r \downarrow \rightarrow I \uparrow \rightarrow AD \uparrow \rightarrow Y \uparrow, U \downarrow$
 - Khi NHTW bán CK ra
 - $\Rightarrow H \downarrow \rightarrow M \downarrow \rightarrow r \uparrow \rightarrow I \downarrow \rightarrow AD \downarrow \rightarrow Y \downarrow, P \downarrow, U \uparrow$

11/15/2011 Tran Bích Dung 66

b. Thay đổi tỷ lệ dự trữ bắt buộc (d_{bb})

- Nếu giảm (d_{bb}) ↓
 - → $k^M \uparrow \rightarrow M \uparrow \rightarrow r \downarrow$
 - → $I \uparrow \rightarrow AD \uparrow \rightarrow Y \uparrow, U \downarrow$
- Nếu tăng (d_{bb}) ↑
 - → $k^M \downarrow \rightarrow M \downarrow \rightarrow r \uparrow$
 - → $I \downarrow \rightarrow AD \downarrow \rightarrow Y \downarrow, U \uparrow$

11/15/2011

Tran Bach Dung

67

c. Lãi suất chiết khấu (r_D)

- Là lãi suất mà các NHTM phải trả cho NHTW khi vay của NHTW
 - Nếu giảm (r_D) ↓
 - → các NHTM sẽ vay nhiều hơn từ NHTW:
 - $H \uparrow \rightarrow M \uparrow \rightarrow r \downarrow \rightarrow I \uparrow \rightarrow AD \uparrow \rightarrow Y \uparrow, U \downarrow$
 - Ngoài ra, các NHTM sẽ giảm $d_{ty} \rightarrow k^M \uparrow \rightarrow M \uparrow \rightarrow r \downarrow \rightarrow I \uparrow \rightarrow AD \uparrow \rightarrow Y \uparrow, U \downarrow$

11/15/2011

Tran Bach Dung

68

c. Lãi suất chiết khấu (r_D)

- Nếu tăng (r_D) ↑
 - → các NHTM sẽ vay ít hơn
 - $H \downarrow \rightarrow M \downarrow \rightarrow r \uparrow \rightarrow I \downarrow \rightarrow AD \downarrow \rightarrow Y \downarrow, U \uparrow$
 - Đồng thời, các NHTM sẽ tăng $d_{ty} \rightarrow k^M \downarrow \rightarrow M \downarrow \rightarrow r \uparrow \rightarrow I \downarrow \rightarrow AD \downarrow \rightarrow Y \downarrow, U \uparrow$

11/15/2011

Tran Bach Dung

69

3. Nguyên tắc thực hiện

- Nguyên tắc:
 - Khi nền kinh tế suy thoái $Y < Y_p$:
 - áp dụng CSTT mở rộng:
 - Mua CK
 - Giảm d_{bb}
 - Giảm r_D

11/15/2011

Tran Bach Dung

70

3. Nguyên tắc thực hiện

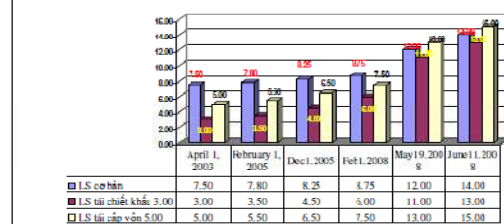
- Khi nền kinh tế có lạm phát ($Y > Y_p$):
- áp dụng CSTT thu hẹp:
 - Bán CK
 - Tăng d_{bb}
 - Tăng r_D

11/15/2011

Tran Bach Dung

71

Chính sách lãi suất của NHNNVN



11/15/2011

Tran Bach Dung

72

4. Định lượng

- $Y \neq Y_p$:

- $\Delta Y = Y_p - Y$
- $\rightarrow \Delta A_0 = \Delta Y / k$
- $\rightarrow \Delta I_0 = \Delta A_0$
- $\rightarrow \Delta r = \Delta I_0 / I_m^r$
- $\rightarrow \Delta M = L_m^r \cdot \Delta r$
■ $= L_m^r \cdot \Delta I_0 / I_m^r$

11/15/2011

Tran Bich Dung

73

4. Định lượng

$$\Delta \bar{M} = \frac{L_m^r \cdot \Delta A_0}{I_m^r}$$
$$\Delta \bar{M} = \frac{L_m^r \cdot \Delta Y}{I_m^r \cdot k}$$
$$\frac{\Delta Y}{\Delta \bar{M}} = \frac{k \cdot I_m^r}{L_m^r} = \beta$$

11/15/2011

Tran Bich Dung

74

4. Định lượng

- β = Số nhân của chính sách tiền tệ
- Hạn chế của CSTT

11/15/2011

Tran Bich Dung

75